

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2022/DS-PT
Ngày 10-5-2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Thẩm phán: Bà Đặng Hồ Điệp

Ông Nguyễn Quốc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện K sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ, K sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2021/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử **số 27/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:**

- Nguyên đơn: Ông Bùi Quang K, sinh năm 1947; nơi cư trú: Thôn Đông, xã Dương Quan, huyện TN, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Anh Bùi Quang Ước, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn Đông, xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Đỗ H, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn Áp Tràn, xã Dương Quan, huyện TN, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh Hà, Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Minh, Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Số 25 Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị Luân, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn Áp Tràn, xã Dương Quan, huyện TN, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Bùi Quang K, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai nguyên đơn ông Bùi Quang K trình bày:*

Thửa đất số 339 tờ bản đồ số 04 diện tích hiện trạng sử dụng là 372m² tại thôn Áp Tràn, xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng có nguồn gốc là của nguyên đơn, năm 1968 do thiên tai mưa lũ làm đổ sập nhà nên nguyên đơn phải chuyển chỗ ở về nhà mẹ vợ ở nhờ, nguyên đơn nhờ bố mẹ đẻ là cụ Bùi Đỗ Tôn (Bùi Văn Tôn) và cụ Lê Thị Phai trông nom thửa đất, tuy nhiên do sai sót của cán bộ xã đã ghi tên cụ Bùi Đỗ Tôn đứng tên người sử dụng đất trong sổ mục kê lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã Dương Quan. Cụ Tôn chết năm 1986, cụ Phai chết năm 1985. Cụ Tôn và cụ Phai sinh được 4 người con gồm: Ông **Bùi Ngọc Châu**, Bùi Đỗ Nhâm, Bùi Quang K và bà Bùi Thị Chinh.

Thời điểm đó, vợ chồng nguyên đơn đã mua đất làm nhà ở tại thôn Đông, xã Dương Quan. Sau khi bố mẹ chết, nguyên đơn đã nhờ anh trai là ông Bùi Văn Châu trông nom thửa đất giúp nguyên đơn. Từ đó đến nay thửa đất trên do bị đơn là anh Bùi Đỗ H (con đẻ ông Châu) sử dụng để tạm trồng cây. Đầu năm 2000, vợ chồng nguyên đơn có nhu cầu xây dựng ngôi nhà trên thửa đất này, tuy nhiên ông Châu viện lý do thửa đất này đứng tên bố trong sổ mục kê, là di sản của bố mẹ đẻ lại nên không đồng ý bàn giao thửa đất cho nguyên đơn. Từ năm 2003, nguyên đơn đã gửi nhiều đơn thư đến các cơ quan có thẩm quyền đề nghị xem xét, giải quyết yêu cầu ông Bùi Văn Châu trả lại thửa đất này cho nguyên đơn. Đến tháng 6/2020, Ủy ban nhân dân xã Dương Quan mới xem xét giải quyết đơn của nguyên đơn.

Tại Biên bản làm việc ngày 13/6/2020 tại UBND xã Dương Quan, để gìn giữ tình cảm gia đình nên nguyên đơn đã đồng ý với ông Bùi Văn Châu, bà Bùi Thị Chinh, anh Bùi Quang Thủ (con ông Bùi Đỗ Nhâm đã chết) và anh Bùi Đỗ H cùng thống nhất thửa đất này là di sản của bố mẹ đẻ lại chưa chia, không tranh chấp về hàng thừa kế và thống nhất thoả thuận phân chia tài sản chung cụ thể: Mỗi đồng thừa kế được phân chia $\frac{1}{4}$ diện tích của thửa đất, nguyên đơn có trách nhiệm trả cho anh Bùi Đỗ H giá trị tài sản trên $\frac{1}{4}$ thửa đất được phân chia.

Sau buổi làm việc ngày 13/6/2020 tại UBND xã Dương Quan, nguyên đơn đã yêu cầu anh Bùi Đỗ H thực hiện các thủ tục pháp lý để bàn giao $\frac{1}{4}$ diện tích của thửa đất cho nguyên đơn quản lý sử dụng theo thoả thuận tại Biên bản làm việc ngày 13/6/2020 nêu trên, tuy nhiên, anh H không thực hiện.

Mặt khác, nguyên đơn có đơn đề nghị UBND xã Dương Quan giải quyết tranh chấp và UBND xã Dương Quan đã tổ chức buổi làm việc hoà giải tranh chấp vào ngày 13/6/2020, trước thời điểm ngày 10/9/2020, như vậy, theo các quy định của pháp luật thì vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn bàn giao quyền sử dụng $\frac{1}{4}$ diện tích đất tại thửa số 339, tờ bản đồ số 04, diện tích hiện trạng thửa đất là 372m² tại thôn Áp Tràn, xã Dương Quan cho nguyên đơn quản lý, sử dụng theo đúng thoả thuận tại Biên bản làm việc ngày 13/6/2020 của UBND xã Dương Quan

và các quy định pháp luật. Cụ thể là diện tích $372m^2:4 = 93m^2$ theo chiều mặt đường và nhận tại vị trí sau cùng.

Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, tại phiên toà sơ thẩm bị đơn trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất số 339 tờ bản đồ số 04 diện tích $340m^2$ tại thôn Ấp Tràn, xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng là của ông bà nội bị đơn là cụ Bùi Đỗ Tôn và cụ Lê Thị Phai. Ông bà nội bị đơn có 04 người con là ông Bùi Ngọc Châu, ông Bùi Đỗ Nhâm, ông Bùi Quang K, bà Bùi Thị Chinh. Ông Bùi Ngọc Châu chết năm 2020 là bố đẻ bị đơn. Ông bà nội đã cho bị đơn sử dụng thửa đất này từ năm 1985 đến nay.

Ngày 13/6/2020, UBND xã Dương Quan mời bị đơn đến làm việc hoà giải về tranh chấp quyền sử dụng đất theo đơn đề nghị của ông Bùi Quang K. Tại buổi hoà giải này, các bên không có bất kỳ thoả thuận, thống nhất nào về việc thửa đất này là tài sản chung, bị đơn cũng không đồng ý chia đất cho ông K, bị đơn chỉ đồng ý phân chia theo quy định pháp luật và nếu ông K được sử dụng $\frac{1}{4}$ thửa đất thì phải bồi thường tài sản trên phần đất được chia cho bị đơn. Mặt khác, tại buổi làm việc ngày 13/6/2020 không đủ các thành phần tham gia.

Ủy ban nhân dân xã không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai mà chỉ có thẩm quyền hoà giải tranh chấp đất đai ở cơ sở theo quy định của luật đất đai, do vậy, nội dung biên bản làm việc ngày 13/6/2020 không có giá trị pháp lý, không bắt buộc bị đơn phải thực hiện. Về thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế cũng đã hết.

Vì vậy, bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Luân (vợ anh H) trình bày:

Chị thống nhất với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và bị đơn ông Bùi Đỗ H. Vợ chồng bà sử dụng thửa đất ổn định từ lâu, chị đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật, chị không có ý kiến gì khác.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2021/DS-ST ngày 08/12/2021 của Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 623 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 202, Điều 303 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Quang K về việc buộc bị đơn là ông Bùi Đỗ H phải bàn giao quyền sử dụng $\frac{1}{4}$ diện tích đất $372m^2$ ($=93m^2$) tại thửa số 339, tờ bản đồ số 04, tại thôn Ấp Tràn, xã Dương Quan cho ông Bùi Quang K quản lý, sử dụng theo đúng thoả thuận tại Biên bản làm việc ngày 13/6/2020 của Ủy ban nhân dân xã Dương Quan.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Bùi Quang K có đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc anh Bùi Đỗ H giao $\frac{1}{4}$ diện tích đất $372m^2$ ($=93m^2$) tại thửa số 339, tờ bản đồ số 04, tại thôn Ấp Trần, xã Dương Quan cho ông Bùi Quang K quản lý, sử dụng theo đúng thỏa thuận tại Biên bản làm việc ngày 13/6/2020 của Ủy ban nhân dân xã Dương Quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn thực hiện theo biên bản làm việc ngày 13/6/2020.

Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có quan điểm: Tại buổi làm việc ngày 13/6/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Dương Quan, huyện TN, thành phố Hải Phòng không có đầy đủ thành phần tham gia. Văn bản thỏa thuận ở xã không có giá trị bắt buộc các bên phải thực hiện, hơn nữa 01 người con của các cụ là ông Nhâm đã chết mà chỉ có 01 người con của ông Nhâm tham gia. Nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế thì đã hết thời hiệu chia di sản thừa kế, nếu yêu cầu chia tài sản chung thì không có văn bản nào xác định là tài sản chung của các đồng thừa kế. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện K sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tranh chấp về quyền sử dụng đất là chưa chính xác. Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của cụ Bùi Đỗ Tôn và cụ Lê Thị Phai. Cụ Tôn chết năm 1986, cụ Phai chết năm 1985. Cụ Tôn và cụ Phai sinh được 4 người con gồm: Ông Bùi Ngọc Châu, ông Bùi Đỗ Nhâm (đã chết), ông Bùi Quang K và bà Bùi Thị Chinh. Các cụ chết không để lại di chúc. Biên bản làm việc ngày 13/6/2020 tại UBND xã Dương Quan, huyện TN được lập với đầy đủ các thành phần, nội dung đảm bảo quy định về thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai tại Điều 202 Luật đất đai 2013, Điều 88 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đất đai. Nội dung biên bản ghi nhận sự thống nhất ý kiến của các bên tham gia hòa giải về việc thống nhất thửa đất số 339, tờ bản đồ số 4 tại thôn Ấp Trần, xã Dương Quan là tài sản chung và phần của mỗi người được đã được phân chia. Phần của bà Chinh, ông Nhâm, ông Châu cho anh H, còn phần của ông K trả lại cho ông K. Cho đến thời điểm ông K khởi kiện đến Tòa án, các đương sự tham gia thỏa thuận không ai thay đổi ý kiến của mình. Biên bản làm việc trên phải được xác định là biên bản hòa giải thành của các đương sự. Sau thời hạn 10 ngày (theo quy định tại khoản 3 Điều 202 Luật Đất đai) kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành không đương sự nào có ý kiến thay đổi nội dung đã hòa giải. Biên bản hòa giải thành đã có hiệu lực

và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Vì vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đòi lại 93m² đất theo như thỏa thuận phân chia trong biên bản là có cơ sở chấp nhận. Tòa án sơ thẩm có nhận định nếu xét về thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế đã hết. Tuy nhiên, thời gian từ ngày 13/6/2020 đến ngày nguyên đơn khởi kiện 24/3/2021 phải coi là trở ngại khách quan và không tính vào thời hiệu theo quy định tại Điều 156 Bộ luật Dân sự 2015. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là Bùi Quang K, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo hướng đã phân tích trên. Do kháng cáo được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sau khi tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Bùi Quang K đề nghị Tòa án buộc bị đơn bàn giao quyền sử dụng $\frac{1}{4}$ diện tích đất tại thửa số 339, tờ bản đồ số 04, diện tích hiện trạng thửa đất là 372m² tại thôn Ấp Tràn, xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cho nguyên đơn quản lý, sử dụng theo đúng thỏa thuận tại Biên bản làm việc ngày 13/6/2020 của Ủy ban nhân dân xã Dương Quan. Ông K không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nguồn gốc trên là của ông, ông là người trực tiếp quản lý, sử dụng. Tại Biên bản làm việc ngày 13/6/2020 mới thống nhất về cách thức phân chia, diện tích đất chưa được phân chia trên thực tế, chưa thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông K. Do đó, không có cơ sở để ông K khởi kiện vụ án kiện đòi tài sản. Tòa án nhân dân huyện TN xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “tranh chấp về quyền sử dụng đất” không xác định “tranh chấp kiện đòi tài sản” là đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có đơn kháng cáo, do đó Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm vụ án.

- Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Bùi Quang K:

[2] Về nguồn gốc đất: Theo nguyên đơn trình bày, diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là của nguyên đơn, năm 1986 do thiên tai làm sập nhà nên nguyên đơn chuyển về nhà mẹ vợ ở nhờ, nguyên đơn nhờ bố mẹ đẻ là cụ Bùi Đỗ Tôn và cụ Lê Thị Phai trông nom diện tích đất, song nguyên đơn không có tài liệu chứng minh diện tích đất trên là của nguyên đơn. Bị đơn cho rằng nguồn gốc diện tích đất trên là của ông bà nội (cụ Tôn, cụ Phai) cho bị đơn từ năm 1985, bị đơn sử dụng ổn định từ đó đến nay, song bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu tặng cho đất của các cụ cho bị đơn. Các con khác của cụ Tôn, cụ Phai đều khẳng định nguồn gốc đất là của các cụ để lại. Theo xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Theo Sổ Mục kê năm 1985, thửa số 339, tờ bản đồ số 04, tại thôn Ấp Tràn, xã Dương Quan, Thủy Nguyên, Hải Phòng diện tích là 340m², đứng tên chủ sử dụng là cụ Bùi Đỗ Tôn. Như vậy, có đủ cơ sở xác định diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ Tôn và cụ Phai.

[3] Cụ Bùi Đỗ Tôn mất năm 1986, cụ Lê Thị Phai mất năm 1985, các cụ mất không để lại di chúc. Đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện đã hết thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế. Thời gian từ ngày 13/6/2020 đến ngày nguyên đơn khởi kiện 24/3/2021 không được coi là trở ngại khách quan theo quy định tại Điều 156 của Bộ luật Tố tụng dân sự như quan điểm của đại diện Viện K sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phúc thẩm.

[4] Quá trình hoà giải tại chính quyền địa phương thể hiện: Tại Biên bản làm việc ngày 13/6/2020 tại UBND xã Dương Quan, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng có mặt nguyên đơn, ông Bùi Văn Châu, bà Bùi Thị Chinh (con cụ Tôn và cụ Phai), anh Bùi Quang Thủ (con ông Bùi Đỗ Nhâm đã chết) và anh Bùi Đỗ H (con ông Châu). Như vậy thành phần tham gia buổi hòa giải không có mặt các người con khác là người có quyền hưởng thừa kế của ông Bùi Đỗ Nhâm. Mặc dù những người có mặt tại buổi hòa giải **thống nhất thừa đất này là di sản của bố mẹ để lại chưa chia; mỗi đồng thừa kế được phân chia $\frac{1}{4}$ diện tích của thửa đất, nguyên đơn có trách nhiệm trả cho anh Bùi Đỗ H giá trị tài sản trên diện tích đất được chia.** Tuy nhiên, Biên bản làm việc ngày 13/6/2020 là biên bản hoà giải tranh chấp đất đai tại xã, chưa đảm bảo thủ tục theo qui định tại khoản 4, 5 Điều 202 Luật đất đai 2013, nên không có giá trị pháp lý bắt buộc đối với các bên. Mặt khác, sau buổi làm việc trên, ông Bùi Đỗ H đã thay đổi ý kiến, không đồng ý bàn giao quyền sử dụng $\frac{1}{4}$ diện tích đất 372m² tại thửa số 339, tờ bản đồ số 04, tại thôn Áp Tràn, xã Dương Quan, Thuỷ Nguyên, Hải Phòng. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Đối với việc di sản thừa kế của cụ Tôn và cụ Phai chưa phân chia cho ai, thì các đồng thừa kế có quyền khởi kiện vụ án chia tài sản chung, nêu chứng minh được đó là tài sản chung theo quy định của pháp luật.

[6] Từ nhận định, phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Quang K, và quan điểm của đại diện Viện K sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự: Ông Bùi Quang K là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 623 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 202, Điều 303 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Quang K, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 41/2022/DS-ST ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Quang K về việc buộc bị đơn là ông Bùi Đỗ H phải bàn giao quyền sử dụng $\frac{1}{4}$ diện tích đất 372m² (=93m²) tại thửa số 339, tờ bản đồ số 04, tại thôn Ấp Tràn, xã Dương Quan, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng cho ông Bùi Quang K quản lý, sử dụng theo đúng thoả thuận tại Biên bản làm việc ngày 13/6/2020 của Ủy ban nhân dân xã Dương Quan, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Bùi Quang K.

3. Về quyền thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND huyện TN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Thị Thúy Hà